STT	Họ và Tên	So chung minh thu	So tai khoan	Tiền lương tháng 09 sau khi trừ thuế thu nhập cá nhân.	Truy lĩnh lương do nâng bậc lương	Tiền phụ cấp kiêm nhiệm hội cựu chiến binh Quý III/2019	Tiền phụ cấp cấp ủy Quý III/2019	So tien thuc linh
A	B	C	D	1	2	3	4	5=1+2+3+4
203	NGUYEN THI THU THUY	164392046	104004914646	4,991,699				4,991,699
204	BUI THI HAI YEN	163022501	102001463388	5,400,150				5,400,150
205	PHAM DUC THUAN	164085322	105003838254	5,400,150				5,400,150
206	NGUYEN THUY MAI	164344424	102001600257	5,608,650				5,608,650
207	VU THI LOAN	164490331	103004643453	0				-
208	PHAM THI MINH THU	164419896	101006907692	4,806,134				4,806,134
209	TRUONG HAI YEN	164445308	106005455494	3,321,614				3,321,614
210	TRAN THI TAN	164325743	101004765887	0				-
211	DO HONG LINH	164437221	100006774878	2,911,077				2,911,077
212	DO THI YEN	164208631	108004753238	6,474,163				6,474,163
213	DINH THI THANH HUYEN	164339915	101006229033	4,806,134				4,806,134
214	BUI THI TUOI	164493088	105005858979	2,911,077				2,911,077
215	BUI LE NHAT	014086000012	103002852297	4,806,134				4,806,134
216	PHAM THI THANH MAI	164444301	103006579974	4,806,134				4,806,134
217	HOANG CAO MINH	164195944	103003561384	5,661,401				5,661,401
218	LAM NGOC CUONG	164378465	101004958983	3,321,614				3,321,614
219	PHAM THI THUY DUNG	164433013	102004148607	3,321,614				3,321,614
220	PHAM DUY HUNG	164307428	104001516600	3,321,614				3,321,614
221	HOANG PHUC NGAN	13671444	104867327640	4,806,134				4,806,134
222	NGUYEN THI THU HA	050486318	109867993068	6,367,008				6,367,008
223	VU DUC HANH	164028062	104869941254	9,755,579				9,755,579

STT	Họ và Tên	So chung minh thu	So tai khoan	Tiền lương tháng 09 sau khi trừ thuế thu nhập cá nhân.	Truy lĩnh lương do nâng bậc lương	Tiền phụ cấp kiêm nhiệm hội cựu chiến binh Quý III/2019	Tiền phụ cấp cấp ủy Quý III/2019	So tien thuc linh
A	B	C	D	1	2	3	4	5=1+2+3+4
II	**Hợp đồng chờ tuyển dụng**			**40,654,730**	-	-	-	**40,654,730**
1	NINH TIEN NAM	164300000	101004058490	2,911,077				2,911,077
2	DUONG THU HUONG	164516557	108005128017	-				-
3	NGUYEN THI THANH NGA	164372915	100004986874	2,911,077				2,911,077
4	DO THI THUY LINH	164413742	109005430861	2,911,077				2,911,077
5	DOAN THI HOA	164457280	105006691298	4,212,117				4,212,117
6	VU THI THU HANG	1646128885	102869212933	-				-
7	HOANG QUOC HUNG	164164352	103001626867	2,911,077				2,911,077
8	TRAN THI PHUONG	164374545	107005253262	2,911,077				2,911,077
9	BUI THI NHUNG	162844102	105001322342	4,806,134				4,806,134
10	TRINH THI HOAI THANH	164392636	108006758517	2,911,077				2,911,077
11	BUI THI THU HOAI	164176168	106006830736	2,911,077				2,911,077
12	TONG THI NGOC LAN	164127170	106003959866	3,050,077				3,050,077
13	DUONG THI LAN HUONG	164086372	102005760608	2,911,077				2,911,077
14	TRINH XUAN QUYNH	036086002092	101869253905	2,823,371				2,823,371
15	DINH THI HOAI	037183003505	101869855860	2,474,415				2,474,415
III	**Hợp đồng NĐ 68**			**82,194,384**	-	**652,600**	-	**82,846,984**
1	NGUYEN VAN ANH	161648680	107005157440	5,013,522				5,013,522
2	LE VAN HE	161852890	100005157380	4,702,509				4,702,509
3	HOANG QUY THU	161610156	105005157358	4,117,806				4,117,806
4	NGUYEN QUANG CHIEN	164005300	107005157413	3,893,877		652,600		4,546,477
5	PHAM MINH TU	164004083	104005157443	3,669,948				3,669,948
6	DANG HUU VIET	164088276	103005157168	3,620,186				3,620,186

STT	Họ và Tên	So chung minh thu	So tai khoan	Tiền lương tháng 09 sau khi trừ thuế thu nhập cá nhân.	Truy lĩnh lương do nâng bậc lương	Tiền phụ cấp kiêm nhiệm hội cựu chiến binh Quý III/2019	Tiền phụ cấp cấp ủy Quý III/2019	So tien thuc linh
A	B	C	D	1	2	3	4	5=1+2+3+4
7	DINH CONG QUYEN	164073897	104005157194	3,620,186				3,620,186
8	NGUYEN XUAN THUAN	164115883	105005157442	3,172,328				3,172,328
9	PHAM THI THANH HA	164172521	104005157455	2,948,399				2,948,399
10	LE KIM DUNG	164153409	108005157367	3,035,482				3,035,482
11	NGUYEN THI LINH	164010502	106005157426	3,035,482				3,035,482
12	NGUYEN THI THUY DUNG	164173843	107005157437	3,023,042				3,023,042
13	NGUYEN THI CHINH	162215923	100005157498	2,811,553				2,811,553
14	NGUYEN THI VE	164146250	105005157439	2,761,791				2,761,791
15	DUONG THI THUY HANG	164110044	101005157282	2,948,399				2,948,399
16	NGUYEN THI THU HA	164142809	109005157435	-				-
17	TRAN THANH TAM	164218604	106005475518	2,948,399				2,948,399
18	TRINH THI NGAN PHUONG	162363151	107003986253	2,724,470				2,724,470
19	AN QUANG HIEN	164180946	102005749332	2,761,791				2,761,791
20	HOANG NGOC MAI	164199923	105005079327	2,724,470				2,724,470
21	PHAM THI BICH PHUONG	151702233	102006330861	2,724,470				2,724,470
22	NGUYEN TRONG TAM	164444380	109006828024	2,500,541				2,500,541
23	VU THI KIEU ANH	164339650	103006803115	2,351,255				2,351,255
24	DINH THI HA	164473618	101004790661	2,537,862				2,537,862
25	DO THI HANH	163007578	107002692372	1,467,979				1,467,979
26	NGUYEN THI TUYET	164166557	103002737919	1,467,979				1,467,979
27	TRAN THI PHUONG THAO	36188001767	108866678061	1,467,979				1,467,979
28	TRAN GIA LONG	164101453	100003969103	2,276,612				2,276,612
29	DINH THI QUYEN	164578835	105867597156	-				-

STT	Họ và Tên	So chung minh thu	So tai khoan	Tiền lương tháng 09 sau khi trừ thuế thu nhập cá nhân.	Truy lĩnh lương do nâng bậc lương	Tiền phụ cấp kiêm nhiệm hội cựu chiến binh Quý III/2019	Tiền phụ cấp cấp ủy Quý III/2019	So tien thuc linh
A	B	C	D	1	2	3	4	5=1+2+3+4
30	DINH HOAI THU	37189001152	106007098559	1,866,075				1,866,075
268	**Tổng cộng: (I+II+III)**			**1,657,888,762**	**1,452,442**	**2,333,900**	**16,263,000**	**1,677,938,104**

Số tiền bằng chữ: Một tỉ sáu trăm bảy mươi bảy triệu chín trăm ba mươi tám nghìn một trăm linh tư đồng.

Ninh Bình, ngày tháng 09 năm 2019.

XÁC NHẬN CỦA NGÂN HÀNG

Giao dịch viên Kiểm soát

Ninh Bình, ngày tháng 09 năm 2019.

Kế toán trưởng **Thủ trưởng đơn vị**

Bùi Thị Hải Yến **TS. Vũ Văn Trường**